

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Lương Anh

Ông Mai Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 670/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 98/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mai Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Tổ E, thôn Đ, xã X, thành phố Đ.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Tổ E, thôn Đ, xã X, thành phố Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở: Tháp B, số C H, phường L, quận H, Hà Nội. Địa chỉ hiện nay: Tháp B, số A T, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

1/ Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2/ Ông Đặng Xuân H1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh tỉnh L là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Ngân hàng TMCP Đ.

Ông Đặng Xuân H1 ủy quyền lại cho:

Anh Hoàng Đức T1 – Chức vụ: Giám đốc phòng G thuộc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh tỉnh L.

Ông Đinh Tuấn A – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng G thuộc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh tỉnh L.

Theo Giấy ủy quyền số 594/UQ-BIDV.LĐ ngày 10/5/2024 của Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh tỉnh L.

(Anh H và chị D có mặt tại phiên tòa, các đương sự khác có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023 và lời khai của nguyên đơn anh M Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh và chị D có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của Việt Nam.

Trong quá trình chung sống mâu thuẫn vì chị D không tôn trọng anh, chị D luôn nghi ngờ anh và cho người theo dõi anh. Và có một lần anh đi chơi chung cùng các bạn, trong lúc chờ bạn ở khách sạn thì chị D đưa người vào gõ cửa và không chế anh để quay phim, chụp hình anh. Lúc đó có anh và một bạn nữ ở trong phòng khách sạn chờ bạn đến.

Trong cuộc sống chung thì chị D không tôn trọng anh, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, anh có đánh chị D một vài lần và chị D cũng có đánh lại anh. Khoảng 02 năm nay thì anh dọn ra ở ngoài không ở cùng nhà với chị D.

Trong quá trình chung sống, trong năm 2022 chị D có làm đơn xin ly hôn thì anh có năn nỉ nên một thời gian sau chị D có rút đơn xin ly hôn.

Đến tháng 8/2022, anh có làm đơn xin ly hôn, sau đó anh có rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn nên anh làm đơn xin ly hôn lại. Vợ chồng anh chị đã không sống chung từ năm 2022 đến nay, chị và các con ở một nhà còn anh ở dưới vườn, không sinh hoạt vợ chồng, hàng tháng con cần tiền gì thì anh chuyển vào tài khoản của con gái. Ăn ngủ riêng, sáng thì anh vẫn về đón con đi học còn chiều thì chị D đón các con về.

Nay anh xác định không còn tình cảm với chị D nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2005; Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017. Anh cũng đề nghị nuôi 03 con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh có nợ Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh L- P số tiền 1.000.000.000đ từ ngày 23/12/2022, hiện anh chưa trả được khoản nợ gốc nào và đây là khoản nợ riêng của anh nên anh tự giải quyết không yêu cầu chị D cùng trả nợ chung.

Đối với diện tích đất nông nghiệp 5.000m² tại tổ G thôn Đ, xã X, thành phố Đ, nguồn gốc tài sản của bố mẹ khai phá chưa có giấy tờ, hiện nay anh chị chỉ là

canh tác trồng hoa ngắn ngày trên đất chưa được bố mẹ tặng cho tài sản này.

Nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D vì không thể sống chung được với nhau nữa.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày:*

Anh và chị D có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của Việt Nam.

Anh H trình bày mâu thuẫn là không đúng. Vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Từ sau khi kết hôn vợ chồng chị về ở chung nhà với nhà mẹ chồng tại Tổ E, thôn Đ, xã X, thành phố Đ cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, có trách nhiệm với nhau. Chị được chồng yêu thương và rất được quan tâm. Trong gia đình chị được mẹ chồng thương và xem như con gái ruột. Do vậy, gia đình sống tương đối hòa thuận êm ấm; kể cả anh chị bên chồng cũng thương quý chị. Từ đầu năm 2022, chị thấy chồng có những biểu hiện không bình thường với chị, thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện gây gỗ cố tình gây mâu thuẫn với chị; quá trình tìm hiểu thì chị phát hiện chồng có ngoại tình với người phụ nữ khác tên Nguyễn Thị Mỹ H3, (bà H3 có chồng đã ly hôn người yêu cũ của chồng, tình cờ 02 người thời gian gần đây gặp lại). Hai người thường xuyên hẹn hò, thuê khách sạn ở chung, đi ăn uống chung, nhắn tin qua lại và chụp hình chung với nhau trên zalo, việc anh H ngoại tình hầu như phía nhà chồng khi biết được thì đều phản ứng với chồng chị. Hiện chị không muốn cung cấp các chứng cứ liên quan việc anh H ngoại tình vì chị không muốn gia đình tan vỡ và muốn vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc con chung.

Bản thân chị không có lỗi gì để chồng phải xin ly hôn. Chị luôn sống có trách nhiệm với chồng con, hàng ngày vẫn lo buôn bán kiếm tiền nuôi con ăn học, ngoài ra còn chăm lo cho mẹ chồng đã lớn tuổi, vì hiện nay mẹ chồng ở chung với vợ chồng chị. Vợ chồng vẫn sống chung, ngủ chung với nhau, nay chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2005; Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017 hiện đang ở với chị.

Nay chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết các vấn đề con chung, tài sản chung.

Trường hợp Tòa vẫn giải quyết ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi 03 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cụ thể cấp dưỡng cho con chung Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2005 số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành; cấp dưỡng cho con chung Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017 số tiền 6.000.000đ/tháng/hai con chung cho đến khi con trưởng thành.

Chị cũng không yêu cầu giải quyết tài sản trong vụ án này.

Đối với khoản nợ số tiền 1.000.000.000đ ngày 23/12/2022 của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh L - P anh H cho rằng đó là khoản nợ riêng của anh H thì chị không có ý kiến gì. Nay chị đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của anh H, có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc con chung.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Đ.*

Ngày 12/05/2023, Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh L có ký hợp đồng tín dụng số 273/2023/16775929/HĐTD, theo đó Ngân hàng cho anh M Nguyễn Thanh H thời hạn vay 12 tháng. Vợ chồng anh Mai Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị Kim D xác định (cam kết với B) đây là khoản nợ riêng của anh H; chị D không có nghĩa vụ đối với khoản vay này.

Ngân hàng nhận thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất theo GCNQSDD, QSHNO & TSKGLVD số CX 059930 do Sở TN&MT tỉnh L cấp ngày 26/06/2020 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 598/2022/16775929/HĐBD ngày 23/12/2022 giữa ngân hàng và anh M Nguyễn Thanh H do Văn phòng C chứng nhận ngày 26/12/2022 được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 26/12/2022. Vì vậy, tài sản thế chấp được thực hiện theo đúng quy định.

Thời điểm hiện tại, anh H đang thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng như cam kết của hợp đồng đã ký kết. Nên Ngân hàng tiếp tục duy trì khoản nợ của anh H và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền anh H đang vay tại ngân hàng trong cùng vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim D và anh Mai Nguyễn Thanh H. Khi phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác, không đề nghị Tòa án giải quyết số nợ vay của khách hàng trong cùng vụ án ly hôn nên ngân hàng cũng đề nghị không phải tham gia tố tụng khi Tòa án có yêu cầu (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt kèm theo).

Tòa án không tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H xác định không còn tình cảm với chị D nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị D. Về con chung: anh cũng thừa nhận có 03 con chung Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2005; Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017. Hiện cháu N đã trưởng thành, còn anh cũng đồng ý giao con chung Mai Nguyễn Thảo L và Mai Nguyễn Thanh H2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000đ/tháng/02 con chung (Mai Nguyễn Thảo L và Mai Nguyễn Thanh H2) cho đến khi các con trưởng thành. Về nợ chung không có, còn khoản nợ ngân hàng là nợ riêng của anh nên anh không yêu cầu chị D phải có trách nhiệm trả.

Còn chị D cũng thừa nhận đầu năm 2022 chị có làm đơn ly hôn nhưng sau đó chị cũng đã rút đơn về. Hiện nay chị xác định vẫn còn tình cảm với anh H nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: chị cũng thừa nhận có 03 con chung Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2005; Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017. Hiện cháu N đã trưởng thành, chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Mai Nguyễn Thảo L, M Nguyễn Thanh H2 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000đ/tháng/02 con chung cho đến khi các con trưởng thành. Về nợ chung không có, còn khoản nợ ngân hàng là nợ riêng của anh H nên chị không có ý kiến. Chị cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H, cho anh H và chị D được ly hôn. Giao con chung Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000đ/02 con chung cho đến khi các con trưởng thành. Riêng con chung Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2005 đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Mai Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Kim D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ. Nay anh H có đơn yêu cầu được ly hôn với chị D; hiện nay bị đơn chị D sinh sống tại thôn Đ, xã X, thành phố Đ. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Mai Nguyễn Thanh H thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/9/2003. Quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị D là có trên thực tế và hai người đã có 03 con chung.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác”.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì anh H khẳng định trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn vì chị D không

tôn trọng anh, chị D luôn nghi ngờ anh và cho người theo dõi anh, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, anh có đánh chị D một vài lần và chị D cũng có đánh lại anh. Khoảng 02 năm nay thì anh dọn ra ở ngoài không ở cùng nhà với chị D. Đầu năm 2022 chị D có làm đơn xin ly hôn thì anh có năn nỉ nên một thời gian sau chị D có rút đơn xin ly hôn. Đến tháng 8/2022, anh có làm đơn xin ly hôn, sau đó anh có rút đơn xin ly hôn là phù hợp với tài liệu anh H cung cấp thể hiện Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã đình chỉ giải quyết vụ án số 145/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2022. Tuy nhiên, vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn nên anh làm đơn xin ly hôn lại. Vợ chồng anh chị đã không sống chung từ năm 2022 đến nay, chị và các con ở một nhà còn anh ở dưới vườn, không sinh hoạt vợ chồng, hàng tháng con cần tiền gì thì anh chuyển vào tài khoản của con gái. Ăn ngủ riêng, sáng thì anh vẫn về đón con đi học còn chiều thì chị D đón các con về.

Tại phiên tòa, chị D trình bày: vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì, vợ chồng sống hạnh phúc, có trách nhiệm với nhau. Chị cũng thừa nhận đầu năm 2022, chị có làm đơn ly hôn sau đó rút đơn về vợ chồng đoàn tụ. Từ đầu năm 2022, chị thấy chồng có những biểu hiện không bình thường với chị, thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện gây gổ cố tình gây mâu thuẫn với chị, quá trình tìm hiểu thì chị phát hiện chồng có ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị D không cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan việc anh H ngoại tình. Chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc con chung.

Theo đơn xin xác nhận của chị D ngày 08/01/2024 (bút lục số 29) có xác nhận của bà T2 cũng như Trưởng thôn thôn Đ đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng anh H, chị D đoàn tụ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị D không đồng ý ly hôn với anh H nhưng chị D cũng không có giải pháp gì để giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm. Mặt khác, chị D cho rằng anh H ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị D cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đến tại phiên tòa hôm nay (ngày 23/8/2024) chị D xuất trình bản phô tô bản chụp tin nhắn có nội dung: “*dạ anh.....*

Anh ơi

Trễ quá rồi mai anh gọi nha em

D1 anh

A ngủ ngon nha

Anh ngủ đc ko a”.

Và cung cấp 01 bản scan màu hình ảnh anh H chụp chung với người phụ nữ khác, theo chị D cho rằng chứng cứ đó thể hiện anh H ngoại tình nhưng anh H không thừa nhận.

Tòa án đã tiến hành xác minh chính quyền địa phương ngày 23/01/2024 (bút lục số 35) về mâu thuẫn hôn nhân thể hiện: Mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng anh H và chị D chính quyền địa phương không nắm rõ vì anh H, chị D không thông báo hay đề nghị giải quyết với Ủy ban. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy

định.

Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị D và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn vì không thể sống chung cùng nhau.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó anh H yêu cầu được ly hôn với chị D là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh H và chị D xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2005; Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017.

Xét thấy, con chung Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2005 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết việc nuôi con.

Theo bản tự khai ngày 13/12/2023 của con chung Mai Nguyễn Thanh H2 (Bút lục số 23) thì con chung có nguyện vọng được ở với bố mẹ. Theo bản tự khai ngày 10/01/2024 của con chung M1 Nguyễn Thảo L (Bút lục số 30) thì con chung có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa anh H cũng đồng ý giao 02 con chung Mai Nguyễn Thảo L, Mai Nguyễn Thanh H2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị D về việc: Anh H cấp dưỡng cho con chung Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008 số tiền 3.000.000đ/tháng; cấp dưỡng cho con chung Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017 số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 8/2024.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Anh H, chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh H, chị D đều xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản vay của anh H tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh L - PGD L, anh Mai Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị Kim D đều xác định đây là khoản nợ riêng của anh H. Hơn nữa Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền anh H đang vay tại ngân hàng trong cùng vụ án ly hôn giữa chị D và anh H. Khi phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác,

không đề nghị Tòa án giải quyết số nợ vay của khách hàng trong cùng vụ án ly hôn. Do vậy, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Mai Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Nguyên đơn anh H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012198 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Anh H còn phải nộp 300.000đ án phí còn thiếu

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 55, 56, 57, 58, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh M Nguyễn Thanh H về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Đ. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Mai Nguyễn Thanh H và bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008; Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Mai Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Kim

D về việc: Anh H cấp dưỡng cho con chung Mai Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/4/2008 và Mai Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 21/9/2017 số tiền 6.000.000đ/tháng/02 con (3.000.000đ/tháng/01con) đến khi các con đủ tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 8/2024.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí:

Nguyên đơn anh Mai Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0012198 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Anh H còn phải nộp 300.000đ án phí còn thiếu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND xã X, TP. Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Dương Thị Liên

